

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

A. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Tình hình khả năng cung cấp dịch vụ:

- Bệnh viện đa khoa Vạn Phước được giao chỉ tiêu 30 giường bệnh, thực kê toàn Bệnh viện là 30 giường.

- Cuối năm 2024, toàn bệnh viện có 61 cán bộ y tế làm việc toàn thời gian và 23 cán bộ y tế bán thời gian. Dự kiến năm 2025, số lượng nhân lực y tế sẽ tăng ít theo nhu cầu tuyển dụng của bệnh viện, nhưng sẽ được đào tạo tại bệnh viện và học online nâng cao trình độ chuyên môn đúng vị trí công việc nhiều hơn các năm trước.

- Số lượt khám bệnh năm 2024 là 21208 lượt, bệnh nhân nội trú là 370 lượt. Công suất sử dụng giường bệnh 18.94%.

- Bệnh viện có tổng số 05 khoa và 03 phòng chức năng:

- Khoa Phụ Sản,
- Khoa Nhi,
- Khoa Khám Bệnh (đã triển khai đầy đủ các phòng khám chuyên khoa là Sản, Phụ khoa, Nội, Ngoại, Nhi, Mắt, RHM, TMH, Da Liễu).
- Khoa Cận lâm sàng
- Khoa Dược
- Phòng Kế Hoạch Tổng Hợp và Quản Lý Chất Lượng(KHTH)
- Tài chính kế toán- Quản trị nhân sự(TCKT-QT-NS).
- Phòng điều dưỡng và kiểm soát nhiễm khuẩn (Đ D -KSNK)

- Chưa có kế hoạch triển khai khám bảo hiểm y tế trong năm 2025.

2. Những thuận lợi, khó khăn cơ bản và những vấn đề ưu tiên:

- **Thuận lợi:** Là bệnh viện tư nhân đầu tiên của Tỉnh với nền tảng là một phòng khám chuyên sản phụ khoa và nhà bảo sanh có uy tín về tay nghề chuyên môn và cung cách phục vụ từ lâu tại địa phương nên đã có sẵn lượng khách hàng thân thiết. Hoạt động của bệnh viện sau 8 năm thành lập đã được đi vào quy cũ, kiến thức và thái độ của bộ phận quản lý cán bộ y tế được củng cố và nâng cao (hoạt động theo mô hình của một công ty có Ban điều hành). Tinh thần phục vụ đáp ứng sự hài lòng của người bệnh ngày càng được cải thiện. Cơ sở vật chất, thiết bị y tế, thuốc men đáp ứng được yêu cầu của người bệnh, luôn đảm bảo đủ giường bệnh cho bệnh nhân nội trú nằm điều trị. Việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, kỹ thuật mới luôn được quan

tâm phát triển, áp dụng có hiệu quả và trở thành kỹ thuật được triển khai thường xuyên tại bệnh viện (xét nghiệm NIPT, tầm soát các bệnh về gen di truyền; Đặt vòng tránh thai nội tiết, Đặt vòng nâng âm đạo, cổ tử cung; chiếu tia lạnh plasma trong điều trị vết mổ, vết may tầng sinh môn). Số lượng Bác sỹ đủ để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh và khám sức khỏe cho các đối tượng có nhu cầu.

- Một số khó khăn, tồn tại:

+ Sự hài lòng của người bệnh chỉ đạt ở mức chưa phản kháng về các vấn đề chưa hài lòng, chứ chưa đạt được mức 100 % khách hàng muốn quay trở lại và từ đó bị giảm dần số lượng khách hàng, ***nếu không nhanh chóng cải thiện chất lượng phục vụ và tăng chỉ tiêu thì lượng khách đương nhiên ngày càng giảm.***

+Nền kinh tế trở nên khó khăn, ảnh hưởng đến số lượng khách hàng khám dịch vụ, ảnh hưởng đến doanh thu.

+ Chi tiêu cho hoạt động bệnh viện lại ngày càng nhiều do vật giá luôn tăng , chi cho công tác Phòng cháy chữa cháy theo quy định, công tác chống thấm và tu sửa cơ sở vật chất.

+ Nhân sự chất lượng cao rất khó tuyển dụng: Bác sỹ thuần thực kỹ năng khó tìm; điều dưỡng, nữ hộ sinh, y sỹ, thư ký y khoa: chưa có kỹ năng đội nhóm chuyên nghiệp cao.

+ Gặp khó khăn trong việc xây dựng và chuẩn hóa các quy trình hoạt động, do bộ phận quản lý đa số đi lên từ nhân viên chuyên môn là bác sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, xét nghiệm...và nhân viên kế toán chưa qua đào tạo quản lý trong một doanh nghiệp nên chưa chuyên nghiệp, dẫn đến ***thiếu sự đồng bộ và hiệu quả trong vận hành; bộ phận quản lý thiếu quy trình giám sát, kiểm tra cấp dưới.***

B. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH:

I. MỤC TIÊU:

- Tăng chỉ tiêu và tăng Doanh thu toàn bệnh viện tại tất cả các khoa.
- Giảm chi tiêu.
- Hài lòng bệnh nhân đạt 100% và nhân viên y tế đạt 95 %.

II. CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN:

1. Bảng chỉ tiêu chuyên môn toàn Bệnh viện năm 2025:

Hoàn thành chỉ tiêu tăng tất cả các chỉ số, số liệu khám chữa bệnh so với báo cáo năm 2024 ít nhất là 20 % trên cả năm, và số liệu từ tháng 04/2025 tăng ít nhất 2,2 % so với tháng 3 năm 2025; sau đó mỗi tháng tăng 2,2 % so với tháng trước. xem bảng thống kê số liệu năm 2024 tại phụ lục:

- Phụ lục 1 : Bảng thống kê số liệu khám chữa bệnh năm 2024.
- Phụ lục 2: Bảng chi tiết số lượng dịch kỹ thuật phòng khám số 7 và số 8 và cấp cứu đạt được năm 2024 .

- Phụ lục 3: Bảng chi tiết số lượng dịch kỹ thuật phòng khám số 28 (nội , ngoại , nhi, mắt , da liễu, tai mũi họng, răng hàm mặt) đạt được năm 2024.

- Phụ lục 4 : Danh mục kỹ thuật phải chỉ định cho bệnh nhân năm 2025

Báo cáo của phòng KHTH từ mỗi tháng trở lên năm phải có 04 bảng như phụ lục 1,2,3,4; Báo cáo của khoa khám bệnh từ mỗi tháng trở lên năm phải có 04 bảng như phụ lục 1,2,3,4 ngoại trừ phần nội trú phụ lục 1; Khoa Cận lâm sàng phải có báo cáo số lượng các dịch vụ thực hiện tại khoa, số lượng chỉ định CLS theo từng bác sĩ khoa khám bệnh. Các khoa , phòng báo cáo theo nhiệm vụ của khoa phòng.

2. Phòng KHTH tổ chức thực hiện danh mục kỹ thuật đúng tuyến đạt từ 60% trở lên.

3. Thực hiện Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng Bệnh viện, phân đầu cuối năm chấm điểm đạt trung bình từ 3.33 điểm trở lên.

C. NỘI DUNG TRỌNG TÂM:

1. Tự nâng cao năng lực đánh giá, xử trí các tình huống cấp cứu, thực hiện được nhiều kỹ thuật chuyên môn hơn.

2. Cải tiến quy trình hành chính và quy trình chuyên môn khám, chữa bệnh ngày càng chuyên nghiệp, chất lượng hơn, phải áp dụng toàn bộ quy trình vào thực tế. Đào tạo, tập huấn tại chỗ theo mục đích, chỉ tiêu của bệnh viện (tập huấn các quy trình khám chữa bệnh của bệnh viện Vạn Phước), gửi nhân viên tập huấn ở các trung tâm đào tạo ưu tiên online về các chứng chỉ cần bổ sung để phục vụ các hoạt động của bệnh viện.

3. Triển khai hiệu quả hệ thống cận lâm sàng và một số kỹ thuật mới vào công tác khám, chữa bệnh: các xét nghiệm miễn dịch; các xét nghiệm về gen di truyền, siêu âm tim cơ bản, siêu âm mạch máu, khai thác thêm các dịch vụ đúng theo mô hình bệnh tật tại bệnh viện Vạn Phước; các dịch vụ của siêu âm tim, mạch máu... Khoa cận lâm sàng phối hợp với các khoa điều trị thông báo các dịch vụ kỹ thuật mới, phối hợp với phòng KHTH và phòng TCKTQTNS bổ sung các dịch vụ kỹ thuật mới lên phần mềm.

4. Thực hiện tốt quy tắc ứng xử và “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của nhân viên y tế hướng tới đáp ứng sự hài lòng của người bệnh” ; Tuân thủ 12 điều y đức và các quy chế chuyên môn, nội quy của bệnh viện; lễ phép chào hỏi, đón tiếp vui vẻ, niềm nở khách hàng; tự tìm hiểu kỹ năng làm việc đội nhóm là gì và phải phối hợp, đặt mục tiêu đội nhóm lên trên hết. Đời sống cán bộ, NVYT trong bệnh viện được ổn định và nâng cao. Thực hiện khảo sát hài lòng khách hàng và nhân viên một cách khách quan, thường xuyên như kế hoạch.

5. Bộ phận Dược (kể cả nhà thuốc) quản lý chính xác số lượng xuất nhập tồn, thuốc cận date đưa đến tận từng nhân viên, từng khách hàng tại khoa phòng cần ưu tiên sử dụng trước, không để tình trạng hủy thuốc hết date làm tổn thất tài chính của



bệnh viện; phát huy buôn bán được nhiều thuốc thuộc các chuyên khoa mũi nhọn của bệnh viện, quản lý máy móc thiết bị y tế sát sao, an toàn, hiệu quả bằng phần mềm và biểu mẫu. Thông báo cho bác sỹ thuốc mới nhập về lần đầu và có nhiệm vụ đẩy lên phần mềm thông tin thuốc chi tiết để các khoa phòng sử dụng điều trị.

6. Bộ phận kinh doanh cần thiết lập kế hoạch dựa vào kế hoạch hoạt động và kế hoạch cải tiến chất lượng của giám đốc ban hành mỗi năm xây dựng kế hoạch hoạt động riêng, quy trình đặc trưng của phòng gồm 03 mảng: đẩy mạnh marketing các kỹ thuật, dịch vụ mũi nhọn của bệnh viện; nâng cao kỹ năng tư vấn, chăm sóc khách hàng; thực hiện tốt công tác Sale sản phẩm dịch vụ. Phối hợp cùng các khoa phòng thực hiện tốt nhiệm vụ.

7. Xây dựng quy trình về nhân sự, quy trình hành chính quản trị, kế toán phù hợp; lưu trữ dữ liệu của toàn bệnh viện lên hệ thống, đảm bảo không mất dữ liệu cơ bản của bệnh viện.

D. THỜI GIAN THỰC HIỆN:

Từ tháng 01/01/2025 – 31/12/2025

E. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Trưởng các khoa/phòng:

- Các khoa/phòng căn cứ kế hoạch năm 2025 của Bệnh viện để xây dựng kế hoạch năm (nộp báo cáo năm 2025 và kế hoạch năm 2026 chậm nhất ngày 03/01/2026), sáu tháng cuối năm (hạn nộp ngày 20/05/2025); hàng tháng (hạn nộp trễ nhất ngày 03 DL đầu tháng), kế hoạch công tác hàng tuần của khoa phòng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của khoa/phòng. Đồng thời căn cứ vào các nội dung trọng tâm và các chỉ tiêu được giao để phấn đấu hoàn thành vượt mức chỉ tiêu.

- Tổ chức đánh giá, báo cáo số liệu và việc thực hiện nhiệm vụ của khoa/phòng hàng tuần trong giao ban Ban Điều Hành. Khoa Khám bệnh, khoa Phụ sản, khoa Cận lâm sàng báo cáo số liệu hàng tháng, sáu tháng về phòng Kế hoạch tổng hợp (không báo trực tiếp giám đốc nữa) từ báo cáo tháng 4 năm 2025, để KHTH tổng hợp báo cáo Giám Đốc theo mẫu số liệu như phụ lục 1,2,3,4 đi kèm công văn này. Khoa Dược và phòng TCKTQTNS báo cáo trực tiếp Giám Đốc.

- Ứng dụng kiến thức quản lý bệnh viện, quản lý chất lượng bệnh viện, quản lý đội nhóm trong doanh nghiệp ngay trong tháng 05 năm 2025;

- Xây dựng quy trình hành chính và quy trình chuyên môn khám, chữa bệnh mới; cải tiến quy trình cũ không đúng thực tế, phải áp dụng toàn bộ quy trình vào thực tế. Xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn tại chỗ theo mục đích, chỉ tiêu của bệnh viện (tập huấn cho toàn bộ nhân viên khoa phòng toàn bộ các quy trình có trách nhiệm liên quan của bệnh viện Vạn Phước).

- Quản lý, sử dụng, vận hành, sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng kiểm định hiệu chuẩn thiết bị y tế và thiết bị hành chính, tài sản khoa phòng.

2. Phòng Kế hoạch tổng hợp:

2.1 Tổ chức và lập kế hoạch tổng thể cho bệnh viện:

Lập kế hoạch hoạt động, hướng dẫn, giám sát hoạt động mỗi năm, sáu tháng cuối năm nay, mỗi tháng, mỗi tuần. Tổng hợp, phân tích số liệu và báo cáo định kỳ, Đánh giá hàng tháng, so sánh với chỉ tiêu đề ra để có phương án điều chỉnh kịp thời trong các cuộc họp ban điều hành.

Phối hợp bác sỹ chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật lập kế hoạch công tác bình bệnh án, bình đơn thuốc, họp Hội đồng thuốc và điều trị, Hội đồng khoa học kỹ thuật theo đúng quy trình và thời gian quy định.

2.2 Tăng cường công tác phối hợp với các khoa/phòng:

- Hỗ trợ các khoa/phòng trong công tác lập kế hoạch và báo cáo.
- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong việc thực hiện kế hoạch tổng thể của bệnh viện.
- Hỗ trợ công tác triển khai các chương trình đào tạo và cải tiến quy trình làm việc của các khoa/phòng.
- Phòng kế hoạch tổng hợp lưu tiêu chuẩn về an toàn bức xạ (văn bản sao).

2.3. Tự nâng cao năng lực đánh giá, xử trí các tình huống cấp cứu trong viện và ngoại viện, đề xuất mua máy shock tim, thực hiện được nhiều kỹ thuật chuyên môn hơn, hạn chế tối đa chuyển tuyến, trước khi chuyển tuyến phải có biên bản hội chẩn như quy định, không để xảy ra sự cố y khoa nghiêm trọng và không có bệnh nhân tử vong.

2.4 Lập kế hoạch xây dựng quy trình hành chính và quy trình chuyên môn khám, chữa bệnh mới; cải tiến quy trình cũ không đúng thực tế, phải áp dụng toàn bộ quy trình vào thực tế. Xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn tại chỗ theo mục đích, chỉ tiêu của bệnh viện (tập huấn cho toàn bộ nhân viên toàn bộ các quy trình của bệnh viện Vạn Phước), phân công và phối hợp với các trưởng khoa phòng khác trong việc xây dựng hoặc cải tiến quy trình hành chính và quy trình chuyên môn khám, chữa bệnh.

2.5 Tận dụng tối đa các tính năng của phần mềm Viettel HIS, công nghệ thông tin nói chung trong báo cáo, trong quản lý, phân tích, đánh giá, đào tạo.

2.6 Công tác phòng chống dịch bệnh :

2.6.1 Xây dựng kế hoạch phòng chống dịch bệnh ở người, kiện toàn đội chống dịch kịp thời khi chính phủ công bố dịch. Bổ sung các trang thiết bị và vật tư y tế, thuốc men, cơ sở vật chất, khu vực cách ly.

2.6.2 Tổ chức các lớp tập huấn cho toàn thể NVYT và người lao động về công tác phòng chống dịch bệnh.

2.7 Tiếp tục cải tiến, xây dựng kế hoạch thực hiện Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện; khắc phục những tồn tại của năm 2024, lập kế hoạch cải tiến chất lượng năm 2025 dựa trên kết quả kiểm tra cuối năm 2024.

2.8 khảo sát hài lòng bệnh nhân: Xây dựng bảng khảo sát Ý kiến khách hàng phù hợp với bệnh viện tư nhân Vạn Phước.

3. Phòng Tài chính kế toán- Quản trị - Nhân sự: (PTCKTQTN):

3.1 Xây dựng quy trình về nhân sự, quy trình hành chính quản trị, kế toán phù hợp; lưu trữ dữ liệu của toàn bệnh viện lên hệ thống, đảm bảo không mất dữ liệu cơ bản của bệnh viện .

Ngày 20 /5/2025 phải xây dựng xong các quy trình cơ bản sau đây và trình Giám đốc ký duyệt :

3.1.1 Quy trình tài chính – kế toán:

- Quy trình hợp đồng, tiếp nhận, khá , thanh toán với các công ty bảo hiểm dịch vụ: Insmart, Fullerton , FPT IS,

- Quy trình thu - chi: Lập phiếu thu/ chi, trình duyệt, chi tiền, hạch toán, lưu chứng từ.

- Quy trình Báo cáo tài chính- thuế: Tổng hợp dữ liệu, lập báo cáo tháng/quý/năm, quyết toán thuế,

- Quy trình Tiền lương - BHXH: Chấm công, tính lương, khấu trừ, nộp BHXH, Công Đoàn, lưu bảng lương, lưu chứng từ.

3.1.2 Quy trình quản trị nhân sự:

- Tuyển dụng: Lập kế hoạch, phỏng vấn, tiếp nhận, ký hợp đồng.

- Hồ sơ nhân viên: Lưu lý lịch, hợp đồng, bằng cấp , theo dõi tái ký, quyết định lương - chức vụ

- Khen thưởng- kỷ luật.

3.1.3 Quy trình quản trị hành chính:

- Quản lý tài sản, văn phòng phẩm: Tiếp nhận đề nghị, kiểm tra, trình duyệt mua sắm, cấp phát - ghi sổ theo dõi , kiểm kê, theo dõi hư hỏng - sửa chữa

- Vệ sinh - an ninh - PCCC:Kiểm tra vệ sinh, bảo vệ, hệ thống PCCC

- Cơ sở vật chất - hậu cần:Theo dõi điện - nước, máy lạnh, máy xử lý nước thải, thang máy, bảo trì thiết bị .

- Tổ chức họp, sự kiện, tiếp khách: sắp xếp phòng họp, tổ chức tiếp đoàn kiểm tra.

3.1.4 Quy trình văn thư - lưu trữ dữ liệu

- Văn bản đến - đi: Nhận, phân phối, lưu văn bản giấy và điện tử.

- Lưu trữ hồ sơ: Phân loại theo năm - mục - thời hạn lưu.

- Bảo mật - sao lưu dữ liệu: Sao lưu định kỳ, giới hạn truy cập dữ liệu, Quản lý

truy cập dữ liệu nhạy cảm.

3.2 Phổ biến, Áp dụng, tập huấn, kiểm tra giám sát các quy trình, quy định. Xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn tại chỗ cho tất cả nhân viên phòng.

3.3 Rà soát, xây dựng vị trí việc làm của từng khoa, phòng và từng cá nhân toàn bệnh viện.

3.4 Chỉ tiêu nhân sự :

3.4.1 Có Đủ 03 nhân viên hộ lý toàn thời gian.

3.4.2 Thêm 01 nhân viên chuyên ngành quản trị kinh doanh toàn thời gian, cam kết nâng cao doanh thu.

3.4.3 01 Bác sĩ Tai Mũi họng có kinh nghiệm phẫu thuật, thủ thuật.

3.4.4 Cử 01 dược sỹ đại học trong vòng 06 tháng bắt đầu đi học dược lâm sàng, chọn hệ vừa làm vừa học, chủ yếu online.

3.4.5 01 nhân viên học chứng chỉ Quản lý chất lượng phòng xét nghiệm.

3.4.6 02 người tập huấn về Quản lý chất lượng bệnh viện.

3.4.7 Đào tạo, tuyển dụng 01 phó phòng TCKTQTNs toàn thời gian.

3.4.8 Hợp đồng 01 kế toán thuế, quản lý và giám sát hợp đồng chặt chẽ.

3.4.9 Đào tạo 01 quản lý quán Trung Nguyên Vạn Phước hiệu quả.

3.4.10 Nhân viên xét nghiệm: Chuẩn bị nhân sự thay trưởng phòng.

3.4.11 Ptcktqtns : Đo Các tường ở lầu hai khu A và B còn chưa sơn bao nhiêu mét vuông, bảng hiệu mặt tiền, sẽ tiến hành làm mới vào giữa năm 2025.

3.4.12 Tuyển dụng và tổ chức đào tạo nhân sự đáp ứng tốt cho công việc.

3.5 Thực hiện tốt các chính sách khám, chữa bệnh cho người bệnh có bảo hiểm của công ty INSMART và các công ty bảo hiểm khác.

3.6 Lập kế hoạch hoạt động, hướng dẫn, giám sát hoạt động mỗi năm, sáu tháng cuối của năm 2025, mỗi tháng, mỗi tuần. Tổng hợp, phân tích, báo cáo định kỳ, đánh giá hàng tháng, so sánh với mục tiêu đề ra để có phương án điều chỉnh kịp thời trong các cuộc họp ban điều hành.

3.7 Kiện toàn điều lệ, quy chế tổ chức hoạt động công ty trách nhiệm hữu hạn bệnh viện đa khoa Vạn Phước. Kiện toàn các quyết định bổ nhiệm nhân sự.

3.8 Quản lý toàn bộ danh mục thiết bị y tế toàn bệnh viện vào phần mềm khám chữa bệnh và vào tài khoản trang web Docs.Google; thiết bị hành chính vào tài khoản trang web Docs.Google.

Tận dụng tối đa các tính năng của phần mềm Viettel HIS, công nghệ thông tin nói chung trong báo cáo, quản lý về chuyên môn của phòng; Tham mưu cho Giám Đốc việc áp dụng công nghệ trong Khám chữa bệnh và trong kinh doanh; định hướng, hướng dẫn cho nhân viên về công nghệ thông tin.

3.9 Rà soát giá xét nghiệm, xây dựng lại giá đối với các xét nghiệm có vốn > 50 % .

079
TY
H.F
ĐAKI
ƯỚC
A-V

3.10 Mua sắm, Quản lý ,sử dụng, Vận hành, sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng kiểm định hiệu chuẩn theo quy định đã ban hành của bệnh viện.

3.11 Xây dựng môi trường bệnh viện xanh-sạch-đẹp, hoàn thiện và tập huấn quy tắc giao tiếp, ứng xử, kỹ năng làm việc nhóm văn minh, thân thiện, tôn trọng, tạo môi trường làm việc đạt hiệu quả cao nhất.

3.12 Công tác phòng chống thiên tai, thảm họa:

3.12.1 Xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai, thảm họa, phòng cháy chữa cháy . Kiện toàn đội cứu nạn cứu hộ, phòng cháy chữa cháy. Bổ sung các trang thiết bị , cơ sở vật chất, khu vực an toàn cho nhân viên và người bệnh.

3.12.2 Tổ chức các lớp tập huấn cho toàn thể NVYT và người lao động về kỹ năng phòng cháy chữa cháy, kỹ năng sơ cấp cứu khi xảy ra cháy nổ, thiên tai thảm họa.

4. Khoa dược:

4.1 Đẩy mạnh hoạt động công tác Dược lâm sàng, đảm bảo nâng cao hiệu quả sử dụng thuốc và điều trị, tiếp tục triển khai báo cáo ADR.

4.2 DS trưởng khoa dược phải là trưởng nhà thuốc trong tháng 4 năm 2025. Dược sỹ kho vacxin phải có GSP trong tháng 3 năm 2025

4.3 Cung ứng thuốc, vật tư, thiết bị y tế đầy đủ kịp thời cho người bệnh nội trú, ngoại trú, thực hiện kiểm kê thuốc định kỳ, báo cáo số lượng thuốc cận date (6 tháng) cho giám đốc để chỉ định xuống khoa điều trị không để thuốc hết hạn sử dụng. Bộ phận Dược quản lý chính xác số lượng xuất nhập tồn, thuốc cận date đưa xuống khoa phòng cần ưu tiên sử dụng trước, không để tình trạng hủy thuốc hết date làm tổn thất tài chính của bệnh viện; phát huy buôn bán được nhiều thuốc thuộc các chuyên khoa mũi nhọn của bệnh viện, quản lý máy móc thiết bị y tế sát sao, an toàn, hiệu quả bằng phần mềm và biểu mẫu.Thông báo cho bác sỹ thuốc mới nhập về lần đầu và có nhiệm vụ đẩy lên phần mềm thông tin thuốc chi tiết để các khoa phòng sử dụng điều trị.

4.4 Theo dõi quản lý tác dụng không mong muốn của thuốc trong Bệnh viện. Quản lý tốt nhà thuốc Bệnh viện. Hội đồng thuốc được duy trì hoạt động thường xuyên có hiệu quả.

4.5 Tổ thông tin thuốc hoạt động đều đặn và kịp thời. Triển khai hoạt động công tác dược lâm sàng tới các khoa/phòng có hiệu quả và có báo cáo hàng tháng cho Ban giám đốc.

4.6 Thực hiện kiểm nhập thuốc, bảo quản, xuất thuốc, cấp phát thuốc theo quy định, quản lý sử dụng thuốc gây nghiện, tiền chất dùng làm thuốc hướng thần tốt.

4.7 Dự trữ từ lần một tháng 5 năm 2025, bác sỹ trưởng khoa ký dự trữ chuyển khoa dược vào ngày trước ngày đầu tháng và ngày giữa tháng danh mục hoạt chất , hàm lượng, dạng trình bày , sản phẩm của bệnh viện, không dự trữ theo

tên biệt dược và có trách nhiệm dùng ! Khoa được gửi các nhóm thuốc theo hoạt chất đang trong danh mục bệnh viện và mẫu dự trù để các khoa dự trù, đề xuất phân quyền xem được xuất nhập tồn cho các trưởng khoa. Sau đó khoa dự trù có trách nhiệm sử dụng, nếu hết quá hạn thì tùy trách nhiệm của khoa được hay của khoa điều trị, truy xét rõ ràng và người đó sẽ chịu trách nhiệm bồi thường.

4.8 Xây dựng kế hoạch của khoa được phải có: Các gói thuốc bổ bầu, bán thuốc và các sản phẩm trong danh mục trên trang web, trang fb, youtube, tiktok.

5. Phòng điều dưỡng và kiểm soát nhiễm khuẩn:

5.1 Lập kế hoạch hoạt động, hướng dẫn, giám sát hoạt động mỗi năm, sáu tháng cuối năm 2025, mỗi tháng, mỗi tuần. Tổng hợp, phân tích số liệu và báo cáo định kỳ, Đánh giá hàng tháng, so sánh với chỉ tiêu đề ra để có phương án điều chỉnh kịp thời trong các cuộc họp ban điều hành. Tổ chức thực hiện công tác điều dưỡng và kiểm soát nhiễm khuẩn trong toàn bệnh viện.

5.2 Đề ra các chỉ tiêu cụ thể: số lượng các quy trình được xây dựng, tập huấn, giám sát; số lượng khách hàng được cung cấp thông tin trước, trong và sau điều trị; số dịch vụ kỹ thuật dành cho điều dưỡng (ngâm chân, xông, gội thảo dược, chiếu Plasma, gói vacxin, xét nghiệm) tư vấn thành công.

5.3 Lưu trữ hồ sơ bệnh án, đầy đủ, kịp thời theo quy định.

5.4 Quản lý cơ sở vật chất, thuốc men, trang thiết bị, dụng cụ y tế khi được bàn giao.

6. Khoa Khám bệnh:

6.1 Lập kế hoạch hoạt động, hướng dẫn, giám sát hoạt động mỗi năm, sáu tháng cuối năm nay, mỗi tháng, mỗi tuần. Tổng hợp, phân tích số liệu và báo cáo định kỳ, Đánh giá hàng tháng, so sánh với chỉ tiêu đề ra để có phương án điều chỉnh kịp thời trong các cuộc họp ban điều hành.

6.2 Khoa khám bệnh thống kê, báo cáo số liệu khám chữa bệnh ngoại trú, số lượt chỉ định cân lâm sàng, số toa thuốc được kê, các thủ thuật hàng tháng theo từng phòng khám, theo từng Bác sĩ; liệt kê tất cả các thủ thuật đã làm được và sẽ làm được và thống kê mỗi tháng. Giám sát chuyên môn từng bác sĩ, báo cáo lãnh đạo định kỳ.

6.3 Đẩy mạnh công tác cấp cứu trong viện và ngoại viện, hạn chế tối đa chuyển tuyến và không có bệnh nhân tử vong. Tự nâng cao năng lực đánh giá, xử trí các tình huống cấp cứu, thực hiện được nhiều kỹ thuật chuyên môn hơn.

6.4 Phối hợp các khoa phòng để cải tiến, xây dựng hoàn thiện các quy trình, phác đồ.

6.5 Triển khai kịp thời các văn bản của cấp trên, tổ chức kiểm tra, tập huấn, hội thảo, bình bệnh án, hội chẩn bệnh, họp Hội đồng thuốc và điều trị theo đúng quy trình và thời gian quy định

6.6 Tận dụng tối đa các tính năng của phần mềm Viettel HIS, công nghệ thông tin nói chung trong báo cáo, quản lý về chuyên môn của khoa phòng.

6.7 Nâng cao chất lượng khoa khám bệnh, giảm thời gian chờ đợi, chuyên phòng khám chuyên khoa linh hoạt cho người bệnh để không gây phiền hà cho người bệnh.

6.8 Khảo sát thời gian chờ đợi, giám sát khám bệnh, kê đơn thông qua bình đơn thuốc và giám sát tuân thủ phác đồ điều trị. Đảm bảo an toàn cho người bệnh trong quy trình khám chữa bệnh.

6.9 Đẩy mạnh tư vấn, maketing đến khách hàng các dịch vụ thuộc thể mạnh về lĩnh vực Sản phụ khoa: Cấy que tránh thai, đặt vòng nâng trong điều trị sinh non và sa sinh dục, làm lại tầng sinh môn âm đạo cho sa sinh dục, khám sức khỏe định kỳ, siêu âm quay video gửi zalo, email cho khách hàng.

6.10 Triển khai thêm các danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt thêm của các phòng khám chuyên khoa nội, ngoại, nhi, mắt, răng hàm mặt, tai mũi họng, da liễu (sau đây tạm gọi chung là pk chuyên khoa lẻ), Nội soi Tai mũi họng, Lấy dị vật, bó bột...

7. Khoa Phụ sản:

7.1 Khoa Phụ Sản thực hiện tốt công tác thu dung các trường hợp đến sinh và điều trị tại khoa.

7.2 Chủ động khám sàng lọc và tiêm viêm gan B cho trẻ sơ sinh trong 24 giờ đầu, tiêm lao càng sớm càng tốt trong 7 ngày đầu, theo đúng quy định của Bộ Y tế.

7.3 Phòng khám Nhi phối hợp với khoa Sản thực hiện tốt công tác chăm sóc đơn nguyên sơ sinh, nâng cao kiến thức về cấp cứu trẻ nhi sơ sinh.

7.4 Tư vấn và thực hiện xét nghiệm sàng lọc lấy máu gót chân cho 100% bé được sinh tại bệnh viện, tư vấn các gói tiêm ngừa.

7.5 Nhân viên khoa phụ sản tăng cường quảng cáo, tư vấn các dịch vụ đang triển khai tại khoa điều trị nội trú đến bệnh nhân để tăng thu dung điều trị người bệnh nội trú.

7.6 Đảm bảo điều trị nội trú hiệu quả, đúng phác đồ, đúng kỹ thuật chuyên môn cho các bệnh nhân điều trị.

7.7 Giám sát tuân thủ phác đồ điều trị, bệnh án, quy trình kiểm tra, đối chiếu đúng người bệnh, đúng thuốc... đảm bảo an toàn thủ thuật, phẫu thuật điều trị cho người bệnh.

8. Khoa Cận Lâm Sàng :

8.1 Cải tiến quy trình hành chính, quy trình chuyên môn, các quy định phải thực hiện hằng năm của phòng X-quang, phân công nhân viên thực hiện đầy đủ. Lưu tiêu chuẩn về an toàn bức xạ, báo cáo định kỳ 3 tháng an toàn bức xạ về phòng Kế hoạch tổng hợp để KHTH báo cáo Giám đốc.

8.2 Quản lý chất lượng phòng xét nghiệm theo Quyết định 2429/QĐ BYT.

8.3 Thống kê: Số lượt chỉ định và thực hiện Siêu âm, Xquang, nội soi, xét nghiệm từng loại theo từng Bác sĩ.

8.4 Triển khai hiệu quả hệ thống cận lâm sàng và một số kỹ thuật mới vào công tác khám, chữa bệnh: các xét nghiệm miễn dịch; các xét nghiệm về gen di truyền, xét nghiệm tinh trùng, lọc rửa tinh trùng, siêu âm tim cơ bản, siêu âm mạch máu., khai thác thêm các dịch vụ đúng theo mô hình bệnh tật tại bệnh viện Vạn Phước; các dịch vụ của siêu âm tim, mạch máu... Khoa cận lâm sàng phối hợp với các khoa điều trị thông báo các dịch vụ kỹ thuật mới, phối hợp với phòng KHTH và phòng TCKTQTNS bổ sung các dịch vụ kỹ thuật mới lên phần mềm.

8.5 Rà soát thời gian thực hiện xét nghiệm phù hợp thời gian thông báo chờ đợi cho khách hàng nhằm giảm tối đa thời gian chờ đợi, đặc biệt các xét nghiệm mang tính cấp cứu. Thống nhất với khoa lâm sàng về cách thức, địa điểm trả kết quả cho người bệnh tránh gây phiền hà cho người bệnh.

9. Phòng kinh doanh: là bộ phận gồm 03 chức năng : Chăm sóc khách hàng, quảng cáo sản phẩm (marketing) và bán (Sale) được ngày càng nhiều sản phẩm hơn (đánh giá bằng KPI) .

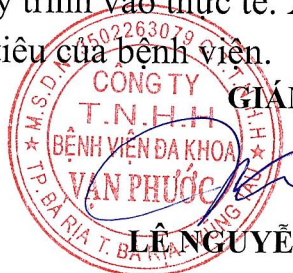
9.1 Đẩy mạnh Marketing các dịch vụ thuộc thế mạnh về Sản phụ khoa, các dịch vụ mũi nhọn của bệnh viện, và các kỹ thuật mới được phê duyệt của các chuyên khoa khác của Bệnh viện đến khách hàng qua trang web, zalo, facebook.....

9.2 Bộ phận CSKH trả lời nhanh các thông tin của KH nhằm đáp ứng sự hài lòng về phong cách phục vụ của BV dịch vụ, nâng cao kỹ năng tư vấn, chăm sóc khách hàng để thực hiện tốt công tác Sale sản phẩm dịch vụ; phối hợp cùng các khoa phòng thực hiện tốt nhiệm vụ.

9.3 Lập kế hoạch xây dựng quy trình hành chính và quy trình 03 chức năng của phòng ,phải áp dụng toàn bộ quy trình vào thực tế. Xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn tại chỗ theo mục đích, chỉ tiêu của bệnh viện.

Nơi nhận

- Giám đốc;
- Các khoa, phòng;
- Lưu: VT, KHTH.

 **GIÁM ĐỐC**
LÊ NGUYỄN QUẾ MINH

CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA VẠN PHƯỚC

Phụ lục I

BẢNG THÔNG KÊ SỐ LIỆU KHÁM CHỮA BỆNH NĂM 2024

Đính kèm kế hoạch 61/KH-BVĐKVP ngày 31/03/2025

NGOẠI TRÚ

Ngoại trú		Mất	TMH	Da liễu	RHM	Ngoại	Nội	NHI	Tiêm ngừa	KSK	cấp cứu	khám thai	phụ khoa	phòng dịch vụ
Số ca khám		36	93	78	2	145	983	1129	852	1203	2293	7869	4358	
Chỉ định CLS	Số ca	3	72	47	1	72	817	584	23	776	2210	7850	3380	
	Số lượng	7	187	205	6	23	3605	1635	41	5474	6393	24602	7635	
Phẫu thuật thủ thuật	số ca	4	2	10	0	126	40	70	3	0	206	474	648	
	số lượng	4	2	10	0	140	48	81	3	0	232	480	726	
dịch vụ khác	số ca	0	2	5	0	19	146	42	0	0	445	819	620	
	số lượng	0	2	5	0	29	152	42	0	0	552	1158	714	
số lượng toa thuốc kê		30	93	70	5	173	972	848	934	0	1309	4979	4512	738

NỘI TRÚ

STT	TÊN DỊCH VỤ	Năm		GHI CHÚ
		2024		
1	Số người bệnh điều trị nội trú	370		
2	Số ngày điều trị	1723		
3	Bóc hay cắt nhân xơ Tử cung trong lúc mổ lấy thai	1		



4	Bóc nang tuyến Bartholin	3		
5	Mổ tái tạo nang tuyến Bartholin/ Skène	0		
6	Bóc nhân xơ vú	0		
7	Cắt u thành âm đạo	1		
8	Cắt u vú lành tính	0		
9	'Chiếu đèn hồng ngoại	35		
10	Chiếu bằng máy Plasmamed hỗ trợ điều trị vết mổ hoặc vết may	475		
11	'Chiếu tia Plasma cường rôn sơ sinh	131		
12	Chon mổ sanh hoặc mổ lấy thai	66		
13	Điều trị vàng da ở trẻ sơ sinh bằng phương pháp chiếu đèn	122		
14	Điều trị viêm dính tiêu khung bằng hồng ngoại, sóng ngắn	0		
15	Phụ thu người nuôi theo quy định	116		
16	Gội đầu thảo dược	122		
17	Giải phẫu bệnh lý mẫu một vị trí	6		
18	Giải phẫu bệnh lý mẫu lớn	1		
19	Hút thai lưu các loại	5		
20	Hút thai tại sọ mổ cũ tại phòng mổ.	1		

38	Test nước ối	4		
39	Thăm mý 2 môi bé	11		
40	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8	1		
41	Theo dõi tim thai	211		
42	Theo dõi SPO2 liên tục tại giường ≤ 8 giờ	176		
43	Theo dõi SPO2 liên tục tại giường	114		
44	Thông tắt tia sữa	45		
45	Thuê ghé bố	20		
46	Triệt sản	24		
47	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo	0		
48	Xét nghiệm Baby Sure (gói 5 bệnh)	240		
49	Xông hơi thảo dược phục hồi sản chậu sau sinh	45		
50				

Số lượng dịch vụ kỹ thuật đạt được năm 2024 tại PK 07.08, cấp cứu		
Tên phòng	Mã	Tên dịch vụ kỹ thuật
Phòng Cấp Cứu		Tổng số lượng
	ANT001	An thần loại I
	ANT002	An thần loại II
	BOC003	Bóc nang tuyến Bartholin
	CAT014	Cắt chỉ sau phẫu thuật
	CAT015	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mí
	CAT018	Cắt bỏ bao da quí đầu do dính hoặc dài
	CAY001	Cấy que tránh thai I nang
	CHI015	Chích lấp lẹo, nang lông mí, chích áp xe mí, kết mạc
	CON001	Công tiêm thuốc bệnh nhân nội trú
	CON002	Công tiêm cho bệnh nhân ngoại trú
	CON006	Công tiêm cho bệnh nhân ngoại
	DAT018	Đặt vòng (chưa bao gồm thuốc)
	DIC001	Dịch vụ phòng thủ thuật loại I
	DIC002	Dịch vụ phòng thủ thuật loại II
	DIC003	Dịch vụ phòng thủ thuật loại III
	DIE119	Điều trị sùi mào gà bằng đốt điện một nốt
	DOT003	Đốt Condylome
	DV006	Trang bị phòng hộ cá nhân phẫu thuật
	DV009	Công truyền dịch
	GIU001	Giường Hồi sức cấp cứu Hàng III - Khoa Hồi sức cấp cứu
	HUT009	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết
	HUT012	Hút thai lưu dưới 6 tuần
	HUT015	Hút thai lưu 6,5-7 tuần
	HUT018	Hút thai lưu 7,5-8 tuần
	HUT019	Hút thai lưu 7,5-8 tuần/VMC
	HUT021	Hút thai lưu 8,5-9 tuần
	HUT033	Hút thai ở sọ mở củ tại phòng mổ
	KHA001	Khâu vết thương chi trên đơn giản
	KHA002	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo
	KHA002	Khâu vết thương chi trên trung bình
	KHA003	Khâu phục hồi vết thương nhiễm khuẩn có cắt lọc mô
	KHA003	Khâu vết thương chi trên phức tạp
	KHA005	Khâu vết rách cổ chân
	KHA040	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ
	KHAU1	Khâu vết thương vùng đầu mặt cổ nhỏ, thẩm mỹ
	KHAU2	Khâu vết thương vùng đầu mặt cổ, thẩm mỹ
	KHAU3	Khâu vết thương vùng đầu mặt cổ phức tạp, thẩm mỹ
		699

[Handwritten signature]

Phòng Cấp Cứu	KHI005	Khí dung mũi họng		7
	LAM001	Làm lại thành âm đạo, TSM trong lúc sanh mổ.		2
	LAY005	Lấy dị vật âm đạo		1
	LAY016	Lấy dị vật kết mạc		4
	MAY003	May thâm mỹ tăng sinh môn		2
	MAY006	May thâm mỹ tăng trước âm đạo		1
	NON001	Nong niệu đạo		1
	NON004	Nong bao quy đầu		4
	PHA001	Phá thai 5-6 tuần bằng phương pháp hút chân không		6
	PHA004	Phá thai 6,5-7 tuần bằng phương pháp hút chân không		5
	PHA005	Phá thai 6,5-7 tuần bằng phương pháp hút chân không /VMC		1
	PHA007	Phá thai 7,5-8 tuần bằng phương pháp hút chân không		2
	PHA008	Phá thai 7,5-8 tuần bằng phương pháp hút chân không /VMC		2
	PHA009	Phá thai 7,5-8 tuần bằng phương pháp hút chân không /VMC hai lần		1
	PHA010	Phá thai 8,5-9 tuần bằng phương pháp hút chân không		2
	PHA022	Phá thai nội khoa thai dưới 5 tuần		3
	PHA025	Phá thai nội khoa thai 5,5-6 tuần		5
	PHA027	Phá thai nội khoa thai 5,5-6 tuần /VMC		1
	PHA028	Phá thai nội khoa thai 6,5-7 tuần		3
	PHA062	Phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn		1
	PHA064	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu		1
	RAC004	Chích áp xe vú		1
	TES002	Test nước ối		7
	THA009	Tháo vòng		16
	THA011	Tháo vòng khó gãy mẻ		2
	THA019	Thay băng vô khuẩn		5
	THA022	Thăm mỹ 2 môi bé		3
	THA023	Tháo que tránh thai		11
	THA024	Thay băng		11
	THO013	Thông tiểu		4
	THU002	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo		1
	THU009	Thương tích bàn tay giản đơn		1
	TIE005	Tiền giường cấp cứu		26
	XOA002	Xoắn Polype (Cổ tử cung, âm đạo)		1
PK Mắt				4
	CHI015	Chích chấp leo, nang lông mi, chích áp xe mi, kết mạc		1
	LAY016	Lấy dị vật kết mạc		2
	THA019	Thay băng vô khuẩn		1
PK Phụ Khoa				1,296
	ANT001	An thần loại I		35
	ANT002	An thần loại II		106

PK Phụ Khoa	BOC001	Bóc nang tuyến Bartholin	3
	BOC003	Bóc nang tuyến Bartholin	9
	CAT006	Cắt may tầng sinh môn	1
	CAT008	Cắt u thành âm đạo	1
	CAT014	Cắt chỉ sau phẫu thuật	2
	CAT023	Cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp...)	1
	CAY001	Cây que tránh thai 1 nang	112
	CHD003	Chiếu đèn hồng ngoại	4
	CHO019	Chọc hút dịch do máu tụ sau mổ	2
	CON001	Công tiêm thuốc bệnh nhân nội trú	1
	CON002	Công tiêm cho bệnh nhân ngoại trú	35
	CON006	Công tiêm cho bệnh nhân ngoại	18
	DAT018	Đặt vòng (chưa bao gồm thuốc)	112
	DAT022	Đặt sonde bàng quang	1
	DAT025	Đặt vòng nâng tử cung điều trị	4
	DAT032	Đặt vòng nội tiết, chưa gồm vòng và thuốc, ...	3
	DIC001	Dịch vụ phòng thủ thuật loại I	37
	DIC002	Dịch vụ phòng thủ thuật loại II	178
	DIC003	Dịch vụ phòng thủ thuật loại III	128
	DOL002	Đo mật độ xương gót chân [02 chân]	24
	DOT003	Đốt Condylome	24
	DOT004	Đốt Condylome (sùi mào gà)	2
	DV009	Công truyền dịch	17
	HUT009	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết	5
	HUT012	Hút thai lưu dưới 6 tuần	3
	HUT015	Hút thai lưu 6,5-7 tuần	4
	HUT018	Hút thai lưu 7,5-8 tuần	1
	HUT021	Hút thai lưu 8,5-9 tuần	1
	KHA003	Khâu phục hồi vết thương nhiễm khuẩn có cắt lọc mô	1
	KHA003	Khâu vết thương chi trên phức tạp	1
	LAM001	Làm lại thành âm đạo, TSM trong lúc sanh mổ.	2
	LAM002	Làm lại thành trước âm đạo.	4
	LAM005	Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn	24
	MAY003	May thẩm mỹ tầng sinh môn	10
	MAY003	Thăm mỹ cắt bỏ vết sẹo lồi da bụng do mổ lấy thai	1
	MAY006	May thẩm mỹ tầng trước âm đạo	7
	NAO001	Nạo sinh thiết lòng TC	2
	NAO002	Nạo sinh thiết kênh CTC	2
	PHA001	Phá thai 5-6 tuần bằng phương pháp hút chân không	12
	PHA002	Phá thai 5-6 tuần bằng phương pháp hút chân không/VMC	1
	PHA003	Phá thai 5-6 tuần bằng phương pháp hút chân không/VMC hai lần	3

Handwritten signature

PK Phụ Khoa	PHA004	Phá thai 6,5-7 tuần bằng phương pháp hút chân không	8
	PHA005	Phá thai 6,5-7 tuần bằng phương pháp hút chân không /VMC	2
	PHA006	Phá thai 6,5-7 tuần bằng phương pháp hút chân không /VMC hai lần	2
	PHA007	Phá thai 7,5-8 tuần bằng phương pháp hút chân không	3
	PHA009	Phá thai 7,5-8 tuần bằng phương pháp hút chân không /VMC hai lần	2
	PHA010	Phá thai 8,5-9 tuần bằng phương pháp hút chân không	1
	PHA011	Phá thai 8,5-9 tuần bằng phương pháp hút chân không /VMC	2
	PHA013	Phá thai 9,5-10 tuần bằng phương pháp hút chân không	1
	PHA022	Phá thai nội khoa thai dưới 5 tuần	9
	PHA023	Phá thai nội khoa thai dưới 5 tuần/VMC	5
	PHA024	Phá thai nội khoa thai dưới 5 tuần/VMC hai lần	3
	PHA025	Phá thai nội khoa thai 5,5-6 tuần	19
	PHA026	Phá thai nội khoa thai 5,5-6 tuần/VMC	5
	PHA027	Phá thai nội khoa thai 5,5-6 tuần/VMC	1
	PHA028	Phá thai nội khoa thai 6,5-7 tuần	6
	PHA062	Phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	2
	RAC001	Rạch áp xe nang tuyến vú/Bartholin/ Skène	3
	RAC004	Chích áp xe vú	1
	RUA005	Rửa cùng đồ	1
	RUT004	Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe	1
	THA009	Tháo vòng	119
	THA011	Tháo vòng khó gãy mê	6
	THA019	Thay băng vô khuẩn	2
	THA022	Thăm mỹ 2 môi bé	13
	THA023	Tháo que tránh thai	105
	THA024	Thay băng	1
	THO001	Thông tắt tia sữa	9
	THO013	Thông tiểu	1
	THU002	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo	5
	TIE005	Tiền giường cấp cứu	3
	VES001	Vệ sinh âm hộ	1
	XOA002	Xoắn Polype (Cổ tử cung, âm đạo)	10
PK Thai			1,297
	ANT001	An thần loại I	2
	ANT002	An thần loại II	262
	CAY001	Cấy que tránh thai 1 nang	4
	CON001	Công tiêm thuốc bệnh nhân nội trú	2
	CON002	Công tiêm cho bệnh nhân ngoại trú	130
	CON006	Công tiêm cho bệnh nhân ngoại	63
	DIC001	Dịch vụ phòng thủ thuật loại I	2
	DIC002	Dịch vụ phòng thủ thuật loại II	262

PK Thai	DOL002	Đo mật độ xương gót chân [02 chân]	2
	DV009	Công truyền dịch	78
	HUT012	Hút thai lưu dưới 6 tuần	5
	HUT013	Hút thai lưu dưới 6 tuần/VMC	4
	HUT014	Hút thai lưu dưới 6 tuần/VMC hai lần	1
	HUT015	Hút thai lưu 6,5-7 tuần	21
	HUT016	Hút thai lưu 6,5-7 tuần/VMC	7
	HUT017	Hút thai lưu 6,5-7 tuần/VMC hai lần	2
	HUT018	Hút thai lưu 7,5-8 tuần	10
	HUT019	Hút thai lưu 7,5-8 tuần/VMC	4
	HUT020	Hút thai lưu 7,5-8 tuần/VMC hai lần	3
	HUT021	Hút thai lưu 8,5-9 tuần	11
	HUT022	Hút thai lưu 8,5-9 tuần/VMC	2
	HUT023	Hút thai lưu 8,5-9 tuần/VMC hai lần	1
	HUT024	Hút thai lưu 9,5-10 tuần	4
	HUT026	Hút thai lưu 9,5-10 tuần/VMC hai lần	1
	HUT030	Hút thai lưu 11,5-12 tuần	1
	HUT031	Hút thai lưu 11,5-12 tuần/VMC	1
	HUT033	Hút thai ở sáo mổ cũ tại phòng mổ	1
	KHI005	Khí dung môi hòng	4
	PHA001	Phá thai 5-6 tuần bằng phương pháp hút chân không	38
	PHA002	Phá thai 5-6 tuần bằng phương pháp hút chân không/VMC	9
	PHA003	Phá thai 5-6 tuần bằng phương pháp hút chân không/VMC hai lần	18
	PHA004	Phá thai 6,5-7 tuần bằng phương pháp hút chân không	24
	PHA005	Phá thai 6,5-7 tuần bằng phương pháp hút chân không/VMC	9
	PHA006	Phá thai 6,5-7 tuần bằng phương pháp hút chân không/VMC hai lần	6
	PHA007	Phá thai 7,5-8 tuần bằng phương pháp hút chân không	16
	PHA008	Phá thai 7,5-8 tuần bằng phương pháp hút chân không/VMC	13
	PHA009	Phá thai 7,5-8 tuần bằng phương pháp hút chân không/VMC hai lần	5
	PHA010	Phá thai 8,5-9 tuần bằng phương pháp hút chân không	15
	PHA012	Phá thai 8,5-9 tuần bằng phương pháp hút chân không/VMC hai lần	1
	PHA013	Phá thai 9,5-10 tuần bằng phương pháp hút chân không	12
	PHA014	Phá thai 9,5-10 tuần bằng phương pháp hút chân không/VMC	1
	PHA015	Phá thai 9,5-10 tuần bằng phương pháp hút chân không/VMC hai lần	1
	PHA016	Phá thai 10,5-11 tuần bằng phương pháp hút chân không	12
	PHA019	Phá thai 11,5-12 tuần bằng phương pháp hút chân không	3
	PHA022	Phá thai nội khoa thai dưới 5 tuần	54
	PHA023	Phá thai nội khoa thai dưới 5 tuần/VMC	13
	PHA024	Phá thai nội khoa thai dưới 5 tuần/VMC hai lần	9
	PHA025	Phá thai nội khoa thai 5,5-6 tuần	66
	PHA026	Phá thai nội khoa thai 5,5-6 tuần/VMC	10

(Handwritten signature)

PK Thai	PHA027	Phá thai nội khoa thai 5,5-6 tuần/VMC	9
	PHA028	Phá thai nội khoa thai 6,5-7 tuần	21
	PHA029	Phá thai nội khoa thai 6,5-7 tuần/VMC	3
	PHA030	Phá thai nội khoa thai 6,5-7 tuần/VMC hai lần	1
	PHA033	Phá thai lưu bằng phương pháp hút chân không kèm VMC hay bệnh lý khác	1
	PHA034	Phá thai kế hoạch bằng phương pháp hút chân không thai dưới 6,5 tuần kèm VMC hay bệnh lý khác	1
	TES002	Test nước ối	21
	THA009	Tháo vòng	3
	THO013	Thông tiểu	1
	THU002	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo	3
	TIE001	Tiền bóp thịt	1
	TIE005	Tiền khâu khâu cấp cứu	3
	XOA002	Xoắn Polype (Cổ tử cung, âm đạo)	4
Tổng cộng			3,296

Phụ lục III

Kế hoạch 61/KH/BVĐKVP ngày 31/03/2025 Số lượng dịch vụ KT đạt được năm 2024 tại PK 28

PK	Mã	Tên dịch vụ kỹ thuật	Tổng S.L
PK Da Liễu			14
	CON002	Công tiêm cho bệnh nhân ngoại trú	1
	DIE129	Điều trị sẩn cục bằng đốt điện một nốt	1
	DV009	Công truyền dịch	4
	HUT011	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm	2
	KHA005	Khâu vết rách cổ chân	1
	RAC001	Rạch áp xe nang tuyến vú/Bartholin/ Skène	1
	THA019	Thay băng vô khuẩn	3
	THA024	Thay băng	1
PK Mắt			4
	CHI015	Chích chấp lệ, nang lông mi, chích áp xe mi, kết mạc	1
	LAY016	Lấy dị vật kết mạc	2
	THA019	Thay băng vô khuẩn	1
PK Ngoại			154
	01G001	01 giường/ phòng máy lạnh	2
	ANT002	An thần loại II	3
	BOB003	Bó bột bàn chân	1
	BOC005	Bóc giả mạc	1
	CAT014	Cắt chỉ sau phẫu thuật	19
	CAT015	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi	5
	CAT016	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản	2
	CAT018	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài	1
	CAT019	Cắt hẹp bao quy đầu	2
	CHO019	Chọc hút dịch do máu tụ sau mổ	1
	CON002	Công tiêm cho bệnh nhân ngoại trú	6
	DIC002	Dịch vụ phòng thủ thuật loại II	2
	DIC003	Dịch vụ phòng thủ thuật loại III	1
	DIE120	Điều trị sùi mào gà bằng đốt điện nhiều nốt	1
	DIE124	Điều trị u mềm treo bằng đốt điện nhiều nốt	1
	DOL002	Đo mật độ xương gót chân [02 chân]	1
	DOT003	Đốt Condylome	1
	DV009	Công truyền dịch	5
	HUT011	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm	10
	KHA001	Khâu vết thương chi trên đơn giản	5
	KHA002	Khâu vết thương chi trên trung bình	6
	KHA003	Khâu phục hồi vết thương nhiễm khuẩn có cắt lọc mô	3
		Khâu vết thương chi trên phức tạp	3
	KHA005	Khâu vết rách cổ chân	5
	KHA040	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	4
	KHA042	Khâu da mi đơn giản	1
	KHAU1	Khâu vết thương vùng đầu mặt cổ nhỏ, thẩm mỹ	3
	KHAU2	Khâu vết thương vùng đầu mặt cổ, thẩm mỹ	1



Signature

PK Ngoại	KHAU3	Khâu vết thương vùng đầu mặt cổ phức tạp , thẩm mỹ	3
	MAY003	Thẩm mỹ cắt bỏ vết sẹo lồi da bụng do mổ lấy thai	1
	NQ002	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	1
	PHA064	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu	1
	RAC001	Rạch áp xe nang tuyến vú/Bartholin/ Skène	1
	RAC002	Rạch apxe mi	2
	RAC004	Chích áp xe vú	1
	THA018	Thay băng vết mổ	7
	THA019	Thay băng vô khuẩn	20
	THA024	Thay băng	20
	THO013	Thông tiểu	1
			122
PK Nhi	01G001	01 giường/ phòng máy lạnh	1
	BOB002	Bó bột cẳng tay	1
	CAT013	Cắt phanh l-ưỡn	2
	CAT014	Cắt chỉ sau phẫu thuật	3
	CAT019	Cắt hẹp bao quy đầu	1
	CHD002	Chiếu đèn bé ngoại viện	30
	CHI003	Chiếu tia Plasma cuống rốn sơ sinh	1
	CON006	Công tiêm cho bệnh nhân ngoại	1
	DIEU002	Điều trị vàng da ở trẻ sơ sinh bằng phương pháp chiếu đèn	3
	DV009	Công truyền dịch	4
	GIU001	Giường Hồi sức cấp cứu Hạng III - Khoa Hồi sức cấp cứu	2
	HUT010	Hút đờm hầu họng	4
	HUT011	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm	4
	KHAU2	Khâu vết thương vùng đầu mặt cổ , thẩm mỹ	1
	KHI005	Khí dung mũi họng	2
	LAY012	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	2
	NON004	Nong bao quy đầu	5
	TAM001	Tắm bé + thay băng rốn tại viện	3
	THA018	Thay băng vết mổ	2
	THA019	Thay băng vô khuẩn	12
	THA024	Thay băng	37
	TIE005	Tiền giường cấp cứu	1
			190
PK Nội	ANT002	An thần loại II	1
	BOM004	Bơm rửa lệ đạo	1
	CAT007	Cắt, đốt sỏi mào gà âm hộ; âm đạo; tầng sinh môn	1
	CAT018	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài	1
	CHD003	Chiếu đèn hồng ngoại	1
	CON002	Công tiêm cho bệnh nhân ngoại trú	12
	CON006	Công tiêm cho bệnh nhân ngoại	5
	DAT022	Đặt sonde bàng quang	1
	DIC002	Dịch vụ phòng thủ thuật loại II	1
	DIE120	Điều trị sỏi mào gà bằng đốt điện nhiều nốt	3

PK Nội	DIE126	Điều trị dày sừng da đầu bằng đốt điện nhiều nốt	1
	DOL002	Đo mật độ xương gót chân [02 chân]	11
	DOT003	Đốt Condylome	10
	DOT004	Đốt Condylome (sùi mào gà)	11
	DV009	Công truyền dịch	109
	HUT011	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm	2
	KHA003	Khâu vết thương chi trên phức tạp	1
	KHA005	Khâu vết rách cổ chân	1
	KHAU3	Khâu vết thương vùng đầu mặt cổ phức tạp , thẩm mỹ	1
	KHI005	Khí dung mũi họng	1
	LAY001	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)	2
	LAY014	Lấy dị vật họng miệng	1
	LAY016	Lấy dị vật kết mạc	1
	NON004	Nong bao quy đầu	1
	RAC002	Rạch apxe mi	1
	THA001	Tháo bột	1
	THA019	Thay băng vô khuẩn	5
	THO013	Thông tiểu	1
	TIE005	Tiền giường cấp cứu	2
PK TMH			55
	DV009	Công truyền dịch	2
	LAY012	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	1
	THA018	Thay băng vết mổ	1
	NOI SOI	Nội soi chung các loại	51
Tổng cộng			539



Handwritten signature in blue ink.

Phụ lục IV Đính kèm kế hoạch 61/KH-BVĐKVP ngày 31/03/2025

STT	DANH MỤC KỸ THUẬT PHẢI CHỈ ĐỊNH CHO BN NĂM 2025	GHI CHÚ
1. NỘI KHOA		
1	Khí dung thuốc giãn phế quản	
2	Điện tim thường	
3	Hút đờm hầu họng	
4	Theo dõi SPO2 liên tục tại giường	
5	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng	
6	Thụt thuốc qua đường hậu môn	
7	Đặt ống thông hậu môn	
8	Thụt tháo phân	
9	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm	
10	Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân	
2. RĂNG HÀM MẶT		
1	Chích áp xe lợi	
2	Lấy cao răng	
3	Cắt lợi xơ cho răng mọc	
4	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	
5	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	
6	Lấy tủy buồng răng sữa	
7	Điều trị tủy răng sữa	
8	Nhổ răng sữa	
9	Nhổ chân răng sữa	
10	Chích Apxe lợi trẻ em	
11	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)	
12	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức	
13	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	
14	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt	
15	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	
16	Phẫu thuật rạch dẫn lưu áp xe nông vùng hàm mặt	
3. TAI MŨI HỌNG		
1	Nội soi tai mũi họng	
2	Khâu vết rách vành tai	
3	Lấy dị vật tai (gây mê/ gây tê)	
4	Chọc hút dịch vành tai	
5	Chích nhọt ống tai ngoài	
6	Làm thuốc tai	
7	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	
8	Cầm máu mũi bằng Merocel	
9	Lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	



[Handwritten signature]

10	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	
11	Rút meche, rút merocel hốc mũi	
12	Chích áp xe quanh Amidan	
13	Cầm máu đơn giản sau phẫu thuật cắt Amygdale, Nạo VA	
14	Cắt phanh lưỡi	
15	Lấy dị vật họng miệng	
16	Lấy dị vật hạ họng	
17	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng	
18	Đặt nội khí quản	
19	Thay canuyn	
20	Khí dung mũi họng	
21	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	
22	Cắt chỉ sau phẫu thuật	
23	Thay băng vết mổ	
24	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ	
	4. MẮT	
1	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi	
2	Khâu da mi đơn giản	
3	Xử trí vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	
4	Bơm thông lệ đạo	
5	Lấy dị vật kết mạc	
6	Lấy calci kết mạc	
7	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản	
8	Đốt lông xiêu, nhổ lông xiêu	
9	Bơm rửa lệ đạo	
10	Chích chắp lẹo, nang lông mi, chích áp xe mi, kết mạc	
11	Thay băng vô khuẩn	
12	Tra thuốc nhỏ mắt	
13	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	
14	Rạch áp xe mi	
	5. NGOẠI	
1	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản	
2	Nong niệu đạo	
3	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài	
4	Cắt hẹp bao quy đầu	
5	Mở rộng lỗ sáo	
6	Cắt ruột thừa đơn thuần	
7	Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	
8	Cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ áp xe	
9	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	
10	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp Milligan – Morgan hoặc Ferguson), phương pháp Longo.	
11	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản	
12	Phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	

13	Phẫu thuật cắt u nhú ống hậu môn (condylome)	
14	Cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp...)	
15	Các phẫu thuật hậu môn khác	
16	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động	
17	Thương tích bàn tay giản đơn	
18	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu	
6. DA LIỄU		
1	Điều trị sẹo lồi bằng tiêm Triamcinolon trong thương tổn chiếu Plasma vết thương, vết mổ	
2	Điều trị sùi mào gà bằng đốt điện	
3	Điều trị hạt cơm bằng đốt điện	
4	Điều trị u mềm treo bằng đốt điện	
5	Điều trị dày sừng da đầu bằng đốt điện	
6	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng đốt điện	
7	Điều trị sần cục bằng đốt điện	
8	Điều trị bớt sùi bằng đốt điện	
9	Điều trị u mềm lây bằng nạo thương tổn	
7. SẢN PHỤ KHOA		
1	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên	
2	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có sẹo mổ bụng cũ phức tạp	
3	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh mắc bệnh toàn thân (tim, thận, gan, huyết học, nội tiết...)	
4	Phẫu thuật lấy thai do bệnh lý sản khoa (rau tiền đạo, rau bong non, tiền sản giật, sản giật...)	
5	Phẫu thuật lấy thai lần đầu	
6	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo	
7	Thủ thuật kẹp, kéo cổ tử cung xử trí băng huyết sau đẻ, sau sảy, sau nạo (*)	
8	Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn	
9	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm	
10	Cắt và khâu tầng sinh môn	
11	Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ	
12	Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau	
13	Kiểm soát tử cung	
14	Bóc rau nhân tạo	
15	Kỹ thuật bấm ối	
16	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn	
17	Khám thai	
18	Nong cổ tử cung do bế sản dịch	
19	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ	
20	Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn, hồng ngoại	
	Đặt vòng nâng cổ tử cung	
21	Khâu vòng cổ tử cung	

3226307
HÔNG T
N.H.
VIỆN ĐẠI
PHƯỚC
ĐÀ RIA

22	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung	
23	Chích áp xe tăng sinh môn	
24	Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn, hồng ngoại	
26	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung	
27	Chích áp xe tăng sinh môn	
28	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung vỡ có choáng	
29	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung không có choáng	
30	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang	
31	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa	
32	Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung	
33	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo	
34	lạnh...	
35	Điều trị viêm dính tiểu khung bằng hồng ngoại, sóng ngắn	
36	Cắt u thành âm đạo	
37	Lấy dị vật âm đạo	
	Thăm mý môi bé	
38	Khâu rách cùng đồ âm đạo	
39	Làm lại thành âm đạo, tăng sinh môn	
40	Chích áp xe tuyến Bartholin	
41	Bóc nang tuyến Bartholin	
42	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh	
	Sinh thiết cổ tử cung, âm hộ, âm đạo;	
43	Sinh thiết NMTC; nạo kênh etc.	
44	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tăng sinh môn	
45	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết	
46	Nạo hút thai trứng	
47	Dẫn lưu cùng đồ Douglas	
48	Chọc dò túi cùng Douglas	
49	Chọc hút dịch do máu tụ sau mổ	
50	Chọc dẫn lưu dịch cổ tử cung trong ung thư buồng trứng	
51	Chích áp xe vú	
52	Khám phụ khoa	
53	Soi cổ tử cung	
54	Làm thuốc âm đạo	
55	Cắt u vú lành tính	
56	Bóc nhân xơ vú	
	8. SƠ SINH	
1	Điều trị vàng da ở trẻ sơ sinh bằng phương pháp chiếu đèn	
2	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh	
4	Khám sơ sinh	
5	Chăm sóc rốn sơ sinh	
6	Tắm sơ sinh	

7	Đặt sonde hậu môn sơ sinh	
9. HỖ TRỢ SINH SẢN		
1	Lọc rửa tinh trùng	
2	Bơm tinh trùng vào buồng tử cung (IUI)	
10. KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH		
1	Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ	
2	Phẫu thuật nội soi triệt sản nữ	
3	Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ	
4	Cây - tháo thuốc tránh thai (loại nhiều nang)	
5	Cây - tháo thuốc tránh thai (loại một nang)	
6	Triệt sản nam (bằng dao hoặc không bằng dao)	
7	Đặt và tháo dụng cụ tử cung tcu hoặc vòng nội tiết MIRENA.	
11. PHÁ THAI		
1	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không	
2	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần	
3	Pha thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không	



